=> Vùng miền núi nước ta có địa hình hiểm trở, sông ngòi nhiều thác ghềnh gây

trở ngại cho giao thông và phát triển kinh tế . tuy nhiên miền đồi núi nước ta có nhiều

thuận lợi để hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc lớn,

phát triển lâm nghiệp…

\* Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du

- Đông Nam Bộ: Là dạng địa hình chuyển tiếp từ cao nguyên Nam Trung Bộ đến

ĐB Sông Cửu Long, có địa hình đồi gò lượn sóng thấp dần về phía Nam và Tây Nam.

Phần tiếp giáp với các cao nguyên có độ cao thay đổi từ 200-600m, phía nam có độ

cao trung bình từ 20-200m.

- Trung Du Bắc Bộ là vùng đồi thấp độ cao Tbình dưới 200m mang tính chất

chuyển tiếp giữa đồng bằng và miền núi.

=> Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du thích hợp để trồng các cây công

nghiệp, các mô hình nông lâm kết hợp, nhiều nơi còn trồng lúa và các cây hoa màu.

2/ Địa hình đồng bằng: Chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ. Nước ta có hai đồng bằng

châu thổ hạ lưu sông và dải đồng bằng ven biển miền trung

\* Đồng bằng châu thổ hạ lưu sông: ĐBSCL rộng 40.000 km2 và ĐBSH rộng

15.000km2. Các đồng bằng hình thành trên vùng sụt lún ở hạ lưu sông.

-ĐBSCL địa hình thấp, bằng phẳng, hình thành do phù sa sông Hậu và sông Tiền

bồi đắp. Bề mặt đồng bằng bị chia cắt bởi mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt,

do không có đê -> mùa lũ thường ngập sâu ở các vùng trũng(Đồng tháp Mười, Tứ

giác long Xuyên..) còn về mùa khô nước triều lấn mạnh làm 2/3 diện tích đồng bằng

bị nhiễm mặn.

-ĐBSH hình thành do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp, bề mặt đồng

bằng cao và còn nhiều đồi núi sót, đồng bằng ít bị chia cắt hơn ĐBSCL nhưng do có

hệ thống đê bao ngăn lũ nên các vùng trong đê không được bồi đắp phù sa hàng năm

tạo thành các bậc ruộng cao bạc màu và các ô trũng ngập nước, vùng ngoài đê được

phù sa bồi đắp hàng năm nên rất màu mỡ

=> các vùng đồng bằng châu thổ hạ lưu sông ở nước ta có giá trị lớn trong sản xuất

nông nghiệp đây là vùng nông nghiệp lớn nhất nước ta.

\* ĐB ven biển Miền trung

-Tổng diện tích 15.000 km2, phần nhiều hẹp ngang và bị chia cắt thành những

vùng đồng bằng nhỏ do các hệ thống núi đâm ngang ra sát biển, chỉ có một vài đồng

bằng được mở rộng ở cửa sông lớn như ĐB Thanh Hoá, ĐB Nghệ An, Đồng bằng

Quảng Nam và Đb Phú Yên. Các đồng bằng thường có sự phân chia thành 3 dải: sát

biển là cồn cát, đầm phá, giữa là vùng thấp trũng, dải trong cùng được bồi tụ thành

đồng bằng

-Trong sự hình thành đồng bằng biển đóng vai trò chủ yếu -> Đất có đặc tính

nghèo mùn, ít phù sa -> thích hợp phát triển các cây công nghiệp ngắn ngày, nuôi

trồng thuỷ sản.

PHƯƠNG PHÁP KHAI THÁC

ATLAT ĐỊA LÝ VIỆT NAM PHẦN ĐỊA HÌNH

(Dùng cho ôn thi tốt nghiệp, Đại học, cao đẳng và bồi dưỡng học sinh giỏi)

Người thực hiện: Lê Thị Quế Ly

Đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo

BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

Xác định khoảng cách trên bản đồ có thể đánh giá được cụ thể kích thước của các

đối tượng địa lý như độ dài, độ rộng của một dãy núi... để từ đó có thể đánh giá ảnh

hưởng của nó đến các thành phần tự nhiên khác.

* Quy trình tiến hành -Dựa vào tỉ lệ bản đồ
* HS phải hiểu được khái niệm tỉ lệ bản đồ: Tử số luôn là 1 (chỉ 1 đơn vị trên bản đồ - cm), mẫu số luôn thay đổi tuỳ thuộc vào

tỉ lệ bản đồ. Thông thường mẫu số càng lớn thì tỉ lệ bản đồ càng nhỏ và ngược lại.

VD: Đo lát cắt A - B trên bản đồ các miền tự nhiên trang 9 tỉ lệ bản đồ là

1:3.000 ( át lát địa lý Việt Nam ) được 11 cm. Giáo viên hướng dẫn HS chỉ cần

bớt 5 số 0 cuối cùng của mẫu số rồi lấy 11 nhân với 30 để tìm ra khoảng cách ngoài

thực tế là 330 km.

Hoặc có thể dùng công thức: khoảng cách trên bản đồ x mẫu số/ 100000 = khoảng

cách thực tế (km)

* Dựa vào tỉ lệ thước. -Dựa vào mạng lưới kinh vĩ tuyến: +Xác định điểm đầu và cuối nằm ở vĩ độ nào (đối tượng trùng với hướng vĩ tuyến)

và kinh độ nào (đối tượng trải theo hướng kinh tuyến hay hướng Bắc - nam)

* Đổi chiều dài bằng độ sang km. trên cơ sở: cung 1 độ kinh tuyến bằng 111,1m,

đối với vĩ độ thì sử dụng bảng thống kê độ dài cung 1 độ vĩ tuyến ở các vĩ độ khác

nhau.

**3/Kĩ năng đọc lát cắt địa hình. Sẽ giúp chúng ta hình dung một cách cụ cụ thể địa hình của một khu vực theo một**

hướng nhất định.

* Quy trình tiến hành
* Nắm chắc khái niệm và ý nghĩa lát cắt.
* Lát cắt đi qua những vùng địa hình nào ( đối chiếu với bản đồ)
* Nhận định đặc điểm chung của địa hình. -Phân tích từng đối tượng biểu hiện trên lát cắt 4/ Kĩ năng mô tả địa hình trên bản đồ. Để mô tả được địa hình học sinh cần nắm chắc các kĩ năng xác định phương

hướng, đo đạc, tính toán khoảng cách, độ cao.. sẽ giúp các em mô tả địa hình trên bản

đồ một cách dễ dàng.

* Quy trình tiến hành
* Đưa ra các ý chính khi mô tả một khu vực địa hình: Giới hạn, độ cao, hướng

núi...

* Giáo viên làm mẫu một khu vực địa hình theo trình tự mô tả.
* Cho học sinh làm các vùng khác theo mẫu. Trên đây là một số kĩ năng cơ bản thường dùng khi học phần địa hình. Tuy nhiên

để hiểu rõ bản chất của vấn đề và lí giải được sự khác biệt giữa các khu vực, các dạng

địa hình thì ngoài các kĩ năng trên học sinh phải thuần thục các kĩ năng khác như kĩ

năng nhận biết, chỉ và đọc các đối tượng địa lý , kĩ năng xác định toạ độ, vị trí, xác

định phương hướng ... trên bản đồ để từ đó có khả năng phân tích tổng hợp các kiến

thức, các kĩ năng để tìm ra được các mối liên hệ địa lý trên bản đồ. Đối với phần địa

hình nói chung và phần địa hình Việt Nam nói riêng ngoài những yêu cầu trên giáo

viên cần phải truyền đạt cho các em những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử hình

thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam để trên cơ sở đó học sinh sẽ hiểu rõ hơn về bản

chất của từng vấn đề.

II/ PHƯƠNG PHÁP ĐỌC ÁT LÁT ĐỊA LÍ VIỆT NAM PHẦN ĐỊA HÌNH

Các trang át lát sử dụng: + Trang Hành chính, hình thể. +Trang Địa chất, khoáng sản. + Trang Các miền tự nhiên + Trang Các vùng kinh tế.

 Phần ứng dụng. Đối với phần địa hình Việt Nam trước khi phân tích từng nội dung giáo viên cần giúp học sinh tái hiện lại được kiến thức đã học trong chương trình THCS. Đó là giúp học sinh cần phân biệt được các dạng địa hình cơ bản:

* Núi: Độ cao ≥ 500m + Núi thấp: &lt; 1000m
* Núi TB: 1000-2000m
* Núi cao ≥ 2000m Tuổi: Già: Đỉnh tròn, sườn thoải, độ cao Tb Trẻ: Đỉnh nhọn, sườn dốc...
* Cao nguyên: Độ cao tuyệt đối ≥ 500m Bề mặt tương đối bằng phẳng, diện tích khá rộng Sườn dốc...
* Đồi: ( bán bình nguyên và đồi trung du) Độ cao tương đối &lt; 200m Vùng chuyển tiếp giữa núi và đồng bằng Đỉnh tròn, sườn thoải...
* Đồng bằng: Địa hình bằng phẳng, gợn sóng Độ cao tuyệt đối &lt; 200m

**Ví dụ 1. Dựa vào át lát Việt Nam hãy phân tích đặc điểm địa hình qua lát cắt AB từ Sơn nguyên Đồng Văn đến cửa sông Thái Bình.**

* Khái quát chung Lát cắt AB chạy trong Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, đi từ sơn nguyên Đồng Văn - cửa sông Thái Bình theo hướng TB - ĐN.
* Độ dài của lát cắt tương ứng với khoảng 330 km ngoài thực địa. -Lát cắt đi qua Khu Việt Bắc, Khu Đông Bắc và khu ĐB Bắc Bộ qua các dạng địa hình đồi núi cao phía Tây Bắc, đồi thấp và trung bình ở trung tâm và vùng ĐB Bắc bộ ở phía ĐN. Lát cắt qua Sơn nguyên Đồng văn, núi PuThaCa, núi PhiaYa, núi Phia Boóc, cánh cung Ngân Sơn, Cánh cung Bắc Sơn và cắt qua các sông: Sông Gâm, sông Năng, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Kinh Thầy và cửa sông Thái Bình. Hướng nghiêng lát cắt: cao TB thấp dần xuống ĐN
* Độ cao: Nhìn chung đây là khu vực có địa hình thấp &lt;1000m nhưng phân thành nhiều bậc khác nhau
* Từ 0-50m gồm toàn bộ kv ĐBSH (chiều dài...)
* Từ 50-200 m chiếm tỉ lệ nhỏ - Chuyển tiếp giữa vùng đồi núi sang ĐB.
* Từ 200-500m đồi thấp nằm giữa cánh cung Ngân Sơn, Bắc Sơn
* Từ 500-1000m Là bậc địa hình của các cánh cung Ngân Sơn, Bắc Sơn
* Từ 1000-1500m Sơn nguyên Đồng Văn, kv nằm giữa sông Gâm và sông Năng
* &gt; 1500m Đỉnh Phia Booc (1578m)
* Địa hình có sự khác biệt giữa các khu vực:
* Từ Sơn nguyên Đồng Văn -&gt; Thung lũng sông Cầu (khu Viêt Bắc) dài khoảng 150km km. Đây là khu vực địa hình núi có độ cao, dốc lớn và độ chia cắt địa hình lớn nhất trên toàn lát cắt. Lát cắt chạy qua sơn nguyên với độ cao trung bình từ 1500m có diện tích khá lớn, mặt bằng khá bằng phẳn sau đố độ cao đột ngột hạ thấp xuống còn khoảng 500m....
* Từ sông Cầu đến sông Thương (khu Đông Bắc) dài khoảng 78km nền địa hình thấp hơn khu Việt Bắc, độ chia cắt điah hình giảm dần, bắt đầu từ độ cao 50 m của thung lũng sông Cầu độ cao giảm dần..
* Từ sông Thương đến cử sông Thái Bình (khu ĐBSH) dài 102 km, địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc nhỏ, độ cao ĐH &lt;50m...
* Kết luận

**Ví dụ 2: Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy phân tích các đặc điểm tự nhiên dọc theo lát cắt C-D, từ biên giới Việt – Trung đến sông Chu. \* Giới thiệu khái quát.**

* Lát cắt C- D từ biên giới Việt – Trung qua núi Phanxipăng, núi Phu Pha Phong đến sông Chu có chiều dài khoảng 360 km.
* Hướng lát cắt: Hướng TB- ĐN
* Lát cắt đi qua các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa, toàn bộ lát cắt nằm trong miền tự nhiên Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
* Đặc điểm tự nhiên dọc theo lát cắt
* Địa chất – khoáng sản
* Lát cắt chạy qua miền địa chất phức tạp. Khu vực núi Phanxipăng được hình thành trên một nền móng cổ có tuổi AR-O1 gồm các đá biến chất của các đá phun trào nguyên sinh. Khu đông Nam Hoàng Liên Sơn (Phu Luông) có tuổi Jura – Hệ Krêta với trầm tích lục địa mầu đỏ gồm cuội cát, bột kết. Cao nguyên Mộc Châu có địa tầng tuổi Triat giữa – thống giữa hệ Jura hình thành trong pha tạo núi Inđôxini. Núi Phu Pha Phong phát triển trong hệ Cácbon- thồng Triat dưới có phun trào maphic xen kẽ đá vôi. ĐB Thanh Hóa hình thành muộn nhất có tuổi Kainozôi.
* Có một số mỏ khoáng sản (kể tên)
* Địa hình:
* Lát cắt đi qua nhiều dạng địa hình: Núi cao, núi trung bình, núi thấp, cao nguyên, đồng bằng. Trong đó địa hình núi và cao nguyên chiếm phần lớn diện tích, đồng bằng chỉ chiếm diện tích nhỏ.
* Hướng nghiêng địa hình: Hường TB- ĐN.
* Hình thái địa hình: Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều núi cao, vực sâu, đỉnh nhọn, sườn dốc đứng.
* Độ cao: Lát cắt đi qua vùng có địa hình cao nhất nước ta và có sự phân bậc địa hình rõ rệt: từ 0-200m, 200-500m, 500-1000m, từ 1000-1500m, từ 1500-2000m, 2000-2500m, 2500-3000m và &gt; 3000m.
* Địa hình có sự khác biệt giữa các khu vực: . Từ biên giới Việt – Trung tới bờ trái thung lũng sông Đà (khu Hoàng Liên Sơn) chiều dài lát cắt đi qua khoảng 205m, đi qua vùng địa hình núi cao đồ sộ nhất nước ta (dãy Hoàng Liên Sơn) với độ cao trung bình trên 2500m, độ chia cắt sâu, lát cắt chạy qua 2 đỉnh núi cao của nước ta là Phanxipăng (3143m) và phu Luông(2985m). Qua dãy Hoàng Liên Sơn độ cao địa hình hạ thấp xuống còn khoảng 500m khi lát cắt chạy đến bờ trái sông Đà. . Đoạn từ bờ trái sông Đà đến hết cao nguyên Mộc Châu chiều dài khoảng 48km có độ cao trung bình khoảng 500-1000m thấp hơn khu HLS, độ chia cắt bề mặt địa hình nhỏ, cao nguyên Mộc Châu có địa hình khá bằng phẳng. . Đoạn từ rìa phía Nam cao nguyên Mộc Châu đến sông Chu (khu Hòa Bình – Thanh Hóa) chiều dài 102km. Địa hình thấp và có sự phân bậc. Từ độ cao 1000m của cao nguyên Mộc Châu hạ thấp xuống độ cao 250m trước khi nâng lên độ cao 1587m(núi Phu Pha Phong)-&gt; lát cắt lại chạy qua thung lũng sông Mã độ cao 50m-&gt; đến vùng đồi chuyển tiếp và sông Chu độ cao &lt; 50m.
* Khí hậu

-Hướng núi: Hướng Tây Bắc - Đông nam chịu ảnh hưởng của mảng nền cổ. Dãy HLS có sống núi rõ, sắc sảo, mang nhiều đỉnh núi cao, nhọn, sườn núi dốc, xẻ những khe sâu. Tuy nhiên ngay trong vùng núi ấy vẫn gặp những bề mặt bằng phẳng, những bán bình nguyên ở độ cao khác nhau1300-1400m, 1500-1800m, 2100-2200m. Do chịu ảnh hưởng nâng lên mạnh nhất trong vận động tân kiến tạo -&gt; Địa hình già trẻ lại. Sườn núi HLS không đối xứng giữa sườn Đông và Tây, Sườn Tây ngả mau xuống mạn sông Đà, trái lại sườn Đông kém dốc hơn và mở rộng qua ba dãy đồi ở dưới chân với độ cao giảm dần 500-400, 300m và 200-150m. Phía Đông đèo Lũng Lô, dãy Hoàng Liên Sơn thấp hẳn xuống Giá trị kinh tế: Phát triển lâm nghiệp, nhiều địa điểm du lịch, bắc tường thành chắn gió mùa Đông Bắc, khó khăn phát triển giao thông. Ví dụ 4: Dựa vào át lát Việt Nam hãy phân tích đặc điểm địa hình dãy núi Trường Sơn Bắc. Dãy núi Trường Sơn Bắc thuộc vùng Bắc Trung Bộ, bắt đầu từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã Trường Sơn Bắc được hình thành trong một khu vực chuyển động địa máng nằm giữa hai địa khối Đông Bắc Việt Nam ở phía Bắc và Công Tum ở phía Nam. Sự hình thành từ đầu Nguyên sinh (Palêôzôi) -&gt;Tân kiến tạo được nâng lên dạng vồng có đặc tính chuyển động uốn nếp khối. Độ dài &gt; 500km, nơi rộng nhất &gt; 70 km, hẹp nhất 1 km Chủ yếu là vùng núi thấp, TB, chủ yếu địa hình &lt; 1000m Do chịu ảnh hưởng yếu của hoạt động tân kiến tạo nâng lên mạnh phía Bắc và thấp dần về phía Đông Nam -Vùng núi Trường Sơn Bắc cũng gồm các dãy núi song song và so le theo hướng Tây Bắc - Đông nam do ảnh hưởng của Tân kiến tạo. Với địa thế cao ở hai đầu và thấp ở đoạn giữa. Phía Bắc là vùng núi thượng du Nghệ An với nhiều đỉnh núi cao như Puxailaleng cao 2711m, Giữa là vùng núi đá vôi Quảng Bình, các đỉnh núi có độ cao trung bình không quá 1000m và có nhiều đèo thấp: đèo Keo Nưa, Đèo Mụ Giạ( 418m), Đèo Lao Bảo (350m) do nằm trong các đứt gẫy và sức công phá của đường phân thuỷ của các con sông tạo điều kiện cho giao lưu thuận tiện giữa hai sườn Đông - Tây. Phía nam là vùng núi Tây Thừa Thiên Huế núi lại cao lên và đèo thấp không còn, núi thường cao &gt; 1500m như Động Ngài 1774m, núi Mạng 1701m, mạch núi cuối cùng là dãy núi Bạch Mã đâm ra sát biển .. Bên cạnh các núi hướng Tây Bắc

* Đông Nam còn có những nhánh nằm ngang theo hướng Tây Đông như dãy Hoành Sơn, dãy bạch Mã.` Có sự bất đối xứng giữa hai sườn Đông và Tây, Sườn Đông hẹp và dốc, sườn Tây thoải về phía sông Mê Công.

Địa hình Trường Sơn Bắc hiểm trở, giao thông và khai thác trong phạm vi lãnh thổ khó khăn nhưng việc đi lại giao lưu với Lào thuận tiện nhờ những đèo thấp, có giá trị phát triển lâm nghiệp, nông nghiệp. Tương tự cách đọc trên học sinh sẽ dễ dàng đọc được các dãy núi khác như dãy núi Trường Sơn nam, dãy núi Bạch Mã hoặc các dãy núi cánh cung ở vùng núi Đông Bắc...

1. CÁCH ĐỌC (PHÂN TÍCH) MỘT KHU VỰC ĐỊA HÌNH Gợi ý cách đọc:
* Giới hạn.
* Độ cao TB
* Hướng nghiêng địa hình
* Hướng sơn văn
* Các dạng địa hình chính
* Giá trị kinh tế Ví dụ cụ thể Ví dụ 5: Dựa vào Atlat hãy phân tích đặc điểm địa hình của Vùng núi Đông Bắc.

-Vùng núi Đông Bắc nằm từ tả ngạn sông Hồng -&gt; đồi núi ven biển Quảng Ninh. -Địa hình chủ yếu là vùng đồi và núi thấp độ cao trung bình 600 – 700m, do nằm trong miền rìa nền và nâng yếu trong hoạt động Tân Kiến Tạo. -Hướng nghiêng chung của địa hình: Địa hình cao ở phía Bắc, Tây Bắc, thấp dần xuống phần Nam, Đông Nam. Phần phía Bắc, Tây Bắc (thượng lưu sông Chảy, sông Lô, sông Gâm, nơi giáp với Vân Nam (Trung quốc) có nhiều đỉnh núi vượt quá 2000m như Putaca 2274m, Tây Cônlĩnh 2431m, Kiều liêuti 2403m, khi xuống đến trung tâm đỉnh cao nhất chỉ đạt 1578m ( núi Phia Boóc), càng xuống phía Nam độ cao càng giảm đi rõ rệt cao nhất đỉnh núi Yên Tử cao 1068m, Nam Châu Lãnh 1506m. Do vận động Tân Kiến Tạo nâng lên mạnh phía Tây và Bắc và sụt võng phần phía Nam, Đông Nam. -Hướng sơn văn: Chủ yếu là hướng vòng cung bao gồm các cánh cung quy tụ vào Tam Đảo: cánh cung sông Gâm (từ Tam Đảo tới Hà Giang) mặt lồi quay về phía đông, cánh cung Ngân Sơn (Thái Nguyên - Cao Bằng), cánh cung Bắc Sơn (Lạng Sơn), Cánh cung Đông Triều (Từ Lục Nam - Hồng Gai- Móng Cái) và cánh cung ngầm duyên hải. Nhìn chung các dãy núi cánh cung cũng chuyển hướng dần từ hướng Tây Bắc (Cc Sông Gâm) - hướng kinh tuyến (Ngân Sơn), hướng Đông Bắc (Bắc Sơn), hướng vĩ tuyến ở cánh cung Đông Triều. Các thung lũng và sông của vùng cũng chạy theo hướng cánh cung. Do ảnh hưởng của khối nền cổ vòm sông Chảy và tiếp tục của các dãy núi miền Hoa Nam (Vì ở Hoa Nam các dãy núi cũng có hướng chuyển dần như thế)

* Khái quát chung: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nằm phía nam dãy Bạch Mã -&gt; hết ĐBSCL ( bao gồm các bộ phận DHNTB, Tây Nguyên, ĐNB và ĐBSCL.. -Tiếp giáp. Phía Bắc tiếp giáp với vùng núi Trường Sơn Bắc, phía Tây tiếp giáp với Lào và Campuchia, Phía Đông, Nam và Tây Nam giáp Biển Đông.
* Địa hình đa dạng có tính phân bậc rõ rệt do kết quả nâng lên từng đợt, quá trình sụt võng của vận động Tân Kiến tạo tạo nên từng bậc địa hình khác nhau như đồng bằng, đồi, cao nguyên xếp tầng, núi. -Diện tích đồng bằng và vùng núi tương đương nhau. Vùng đồi, núi, cao nguyên tập trung chủ yếu ở phía Tây (Tây Nguyên, Tây của NTB và ĐNB), đồng bằng phân bố chủ yếu phía đông và phía nam của vùng. -Huớng nghiêng của địa hình: Đông bắc – Tây nam và một số theo hướng Tây - Đông Địa hình của vùng chia thành 3 bộ phận rất rõ rệt: núi, cao nguyên và đồng bằng.
* \*Vùng núi: Khu vực núi Trường Sơn Nam.(Liên hệ phần đọc vùng núi Trường Sơn nam.)
* \*Cao nguyên: Là vùng có diện tích cao nguyên lớn nhất cả nước chủ yếu là các cao nguyên xếp tầng, tập trung chủ yếu ở phía Tây hướng Bắc – nam.
* Độ cao chủ yếu 500-1000m gồm các cao nguyên có độ cao khác nhau, cao nhất là cao nguyên Lâm viên &gt;1500m... Do sự nâng lên từng đợt trong vận động Tân kiến tạo.
* Bề mặt các cao nguyên khá bằng phẳng, rộng lớn chủ yếu được bao phủ đất bazan do phun trào mắc ma vào Trung sinh đại
* Giá trị kinh tế : Vùng cao nguyên có giá trị lớn trong phát triển chăn nuôi, cây công nghiệp đây cũng đồng thời là vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn ở nước ta
* Đồng bằng
* ĐB ven biển: kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận. là dải đồng bằng duyên hải nhỏ hẹp, kéo dài và bị chia cắt bởi các nhánh núi lan ra sát biển. Độ cao chủ yếu &lt; 50m, bề mặt đồng bằng bị chia cắt bởi sông ngòi và đồi núi sót, đất phù sa phá cát -&gt; độ màu mỡ kém hơn. Giá trị kinh tế: Phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, cây hoa mầu và cây lương thực song năng suất còn thấp.
* Đồng bằng sông Cửu Long: Là đồng bằng có diện tích lớn nhất nước ta hình thành trên vùng sụt võng kéo dài từ Biển Hồ Cam Phu Chia - cửa sông Mê Kông quá trình sụt võng diễn ra mạnh trong giai đoạn cổ kiến tạo và tiếp tục sụt võng trong giai đoạn Tân kiến tạo. ĐB được phù sa sông Mê Kông bồi dắp lên rất màu mỡ.
* Độ cao địa hình &lt; 50m (2-4 m so với mực nước biển) Hướng nghiêng chung của địa hình: TB - ĐN Bề mặt địa hình bằng phẳng, rộng lớn, trong vùng có nhiều ô trũng ngập nước, do không có đê nên được phù sa bồi đắp hàng năm, mỗi năm đồng bằng còn lấn ra biển. Do địa hình thấp nên vùng ven biển, cửa sông chịu ảnh hưởng mạnh của thuỷ triều -&gt; đất bị nhiễm mặn. Giá trị kinh tế: Đồng bằng sông Cửu Long có giá trị lớn trong phát triển sản xuất lương thực thực phẩm, thuỷ sản, cây ăn quả...

VD 7: Dựa vào Atlat hãy phân tích đặc điểm địa hình của Miền Bắc và Đông Bắc Bắc bộ.

* Khái quát chung:
	+ Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nằm từ tả ngạn sông Hồng, Sông Đáy -&gt; toàn bộ khu Đông Bắc. -Tiếp giáp với TQ, Tây Bắc, BTB, Vịnh Bắc Bộ
	+ Đặc điểm chung của địa hình -Địa hình chủ yếu là vùng đồi và núi thấp độ cao trung bình 600 – 700m, địa hình có tính phân bậc bao gồm 2 bộ phận chính: Đồi núi và đồng bằng.Đồi núi chiếm khoảng 2/3 diện tích tập rung chủ yếu ở phía Bắc, ĐBằng chiếm khoảng 1/3 diện tích tập trung chủ yếu ở phía nam và Đông Nam. -Hướng sơn văn: Chủ yếu vòng cung gồm 4 cánh cung lớn trên đất liên và cánh cung ngầm duyên hải. Sự hình thành các cánh cung có quan hệ với miền nền cổ Hoa Nam chủ yếu là đá kết tinh cổ. +Hướng nghiêng chung của địa hình: Thấp dần từ TB xuống ĐN do vận động Tân Kiến Tạo nâng lên mạnh phía Tây và Bắc và sụt võng phần Đông Nam. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chia thành hai khu vực địa hình chính:
	+ Vùng đồi núi: Chủ yếu là núi thấp và TB độ cao TB (600-700m) do vận động nâng lên yếu hơn trong vận động tân kiến tạo. Độ cao địa hình giảm dần từ TB - ĐN, phần Tây Bắc (thượng lưu sông Chảy, sông Lô, sông Gâm, nơi giáp với Vân Nam có nhiều đỉnh núi vượt quá 2000m như Putaca 2274m, Tây Cônlĩnh 2431m, Kiều liêuti 2403m, khi xuống đến trung tâm đỉnh cao nhất chỉ đạt 1578m ( núi Phia Boóc), càng xuống phía Nam độ cao càng giảm đi rõ rệt cao nhất đỉnh núi Yên Tử cao 1068m, Nam Châu Lãnh 1506m. -Hướng sơn văn: Chủ yếu là hướng vòng cung bao gồm các cánh cung quy tụ vào Tam Đảo: cánh cung sông Gâm (từ Tam Đảo tới Hà Giang) mặt lồi quay về phía đông, cánh cung Ngân Sơn (Tnguyên - Cao Bằng), cánh cung Bắc Sơn (Lạng Sơn), Cánh cung Đông Triều (Từ Lục Nam - Hồng Gai- Móng Cái). Nhìn chung các dãy núi cánh cung cũng chuyển hướng dần từ hướng Tây Bắc (Cc Sông Gâm) - hướng kinh

các em học sinh cách so sánh địa hình của từng khu vực hoặc so sánh hai miền địa hình dựa trên các tiêu chí đưa ra. Trước hết cần hướng dẫn học sinh khi so sánh thông thường so sánh sự giống và khác nhau. Song tuỳ theo yêu cầu câu hỏi nếu đề bài yêu cầu so sánh sự khác biệt thì chỉ cần so sánh sự khác nhau. Vậy để làm được dạng câu hỏi so sánh học sinh phải trải qua các bước: Bước 1: Tìm ra được các tiêu chí để so sánh. Bước 2 :Lấp đầy các tiêu chí đó bằng các kiến thức đã học Như vậy về cơ bản các tiêu chí cần tìm để so sánh chính là các tiêu chí đã được xác định trong phần hướng dẫn phân tích một dãy núi, một khu vực địa hình hay một miền địa hình. vì vậy nếu học sinh làm tốt các phần trên các em sẽ nhanh chóng làm được tốt với dạng câu hỏi so sánh địa hình.

**VD 8 : Dựa vào Atlat địa lý Việt Nam và các kiến thức đã học so sánh địa hình giữa hai vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.**

\* Giới thiệu khái quát về 2 vùng.. Vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là kết quả của tác động tương hỗ giữa xứ Hoa Nam và Bắc Việt Nam. Giữa hai vùng có những mối quan hệ mật thiết với nhau về mặt địa chất kiến tạo, tuy nhiên giữa hai vùng cũng có những nét giống và khác nhau đặc trưng cho mỗi miền,

\* Giống nhau. - Địa hình đa dạng bao gồm: núi, cao nguyên, đồi trung du và địa hình caxto... - Cả hai vùng đều có các dãy núi chạy theo hướng TB – ĐN + TB: Dãy Hoàng Liên Sơn, Phu đen đinh, Phu san sao + ĐB: dãy núi Con Voi, dãy Tam Đảo Do chịu tác động của các khối nền cổ. - Hướng nghiêng chung của địa hình: Hướng TB – ĐN Do vận động TKT nâng mạnh ở phía Tây, TB, nâng yếu ở phía ĐN. - Địa hình có tính phân bậc.

\* Sự khác nhau: - Về phạm vi: Vùng núi Đông Bắc nằm ở Tả ngạn sông Hồng, còn vùng núi Tây Bắc nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

 -Đặc điểm chung: +Về độ cao: Vùng núi Tây Bắc có độ cao trung bình lớn hơn vùng núi Đông Bắc. Vùng núi Tây Bắc độ cao trung bình &gt; 1000m đây là vùng có nhiều núi cao và đồ sộ nhất nước ta do chịu ảnh hưởng nâng lên mạnh nhất trong vận động Tân Kiến Tạo., còn vùng núi Đông Bắc địa hình chủ yếu là vùng đồi và núi thấp độ cao trung bình địa hình từ 600-700m do vận động nâng lên yếu hơn trong Tân Kiến Tạo.

Vùng núi Tây Bắc có nhiều dãy núi cao và đỉnh núi cao hơn khu vực Đông Bắc: như dãy núi Hoàng Liên Sơn cao Tb 1500-2000m và có nhiều đỉnh núi cao &gt; 2800m như đỉnh Phanxiphawng 31423m, Phu Ta Leng 3096 m, Phu Luông 2985m, SaPhin 2874m... còn khu vực Dông Bắc đỉnh núi cao nhất cũng chưa đến 2500m. +Về cấu trúc sơn văn: Vùng núi Đông Bắc cấu trúc địa hình đa dạng hơn Tây Bắc. Vùng Đông Bắc cấu trúc địa hình chủ yếu là hướng vòng cung gồm các cánh cung núi lớn mật lồi quay về phía Đông quy tụ tại tam Đảo, sự hình thành các cánh cung là do ảnh hưởng của khối nền cổ vòm sông Chảy và tiếp tục của các dãy núi miền Hoa Nam, ngoài ra còn có nhiều dãy núi hướng Tây Bắc - Đông Nam như dãy núi Con Voi, dãy Tam Đảo. Còn vùng núi Tây Bắc cấu trúc địa hình chủ yếu theo hướng Tây Bắc - Đông nam bao gồm các dãy núi, cao nguyên cùng hướng. Tây Bắc có diện tích các cao nguyên lớn hơn vùng núi Đông Bắc

* Các dạng địa hình chính: Vùng núi Đông Bắc gồm có 4 dãy núi cánh cung lớn: cánh cung sông Gâm, cánh cung Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều và các thung lũng sông cùng hướng như thung lũng sông Gâm, sông thương, sông lục Nam. Các đỉnh núi cao nằm chủ yếu ở phía Tây Bắc vùng thượng nguồn sông Chảy, sơn nguyên đá Vôi Đồng Văn như đỉnh Tây Côn Lĩnh 2419m, Kiều Liêu Ti 2711m, PhuThaca 2274m... vùng trung tâm là các vùng đồi và núi thấp độ cao trung bình 500-600m, giáp đồng bằng và ven biển là vùng đồi trung du độ cao trung bình dưới 100m. Do vận động Tân Kiến tạo nâng mạnh ở khu vực Tây Bắc và nâng yếu hơn ở các vùng rìa và Đông nam. Còn vùng núi Tây Bắc địa hình gồm có 3 mạch núi chính: Phía đông là dãy Hoàng Liên Sơn có nhiều đỉnh núi cao nhất nước ta như đỉnh Phanxiphăng cao 3143m (nóc nhà của Đông Dương) và nhiều đỉnh núi khác cao trên 2500m. Phía Tây là dãy núi Sông Mã có độ cao thấp hơn như dãy Phu Đen đinh, phu sam sao, ở giữa hai dãy núi là các cao nguyên như cao nguyên Tả Phìn, cao nguyên sín Chải, Mộc Châu, Sơn la có địa hình thấp hơn. Nối tiếp là vùng đồi núi Ninh Bình và Thanh Hoá có dãy núi Tam Điệp chạy sát đồng Bằng sông Mã. trong vùng có các bồn trũng mở rộng hình thành những cánh đồng giữa núi và các thung lũng sông cùng hướng TB - ĐN.

**VD 9: Dựa vào Atlat địa lý Việt Nam và các kiến thức đã học hãy so sánh địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam.**

Giới thiệu khái quát: Dãy núi Trường sơn bắt đầu từ phía Nam sông Cả -&gt; vĩ tuyến 11 0 B và được chia thành hai khu vực địa hình là Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam. Giữa hai khu vực địa hình có nhiều đặc điểm giống và khác nhau:

* Giống nhau:

**VD 10: Dựa vào Atlat địa lý Việt Nam và các kiến thức đã học hãy so sánh địa hình vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu long.**

Đối với phần đồng bằng nên đọc và so sánh theo các tiêu chí sau: Diện tích, hình dạng Nguyên nhân hình thành Độ cao Hướng nghiêng Đặc điểm (bề mặt, tác động của con người ( đắp đê) ý nghĩa

Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long là hai đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta. Giữa hai đồng bằng có nhiều đặc điểm giống và khác nhau: Giống nhau:

* Là hai đồng bằng có diện tích rộng lớn nhất nước ta và được hình thành trên một miền sụt võng cổ và được bồi lấp bởi phù sa sông nên đất ở hai vùng đồng bằng rất màu mỡ. -Địa hình bằng phẳng, hiện nay trong vùng vẫn còn nhiều vùng trũng ngập nước. Hiện nay quá trình sụt võng vẫn tiếp tục nhưng cường độ yếu, nhưng mặt khác cả hai đồng bằng vẫn tiếp tục bồi lấp ra biển Giá trị lớn trong sản xuất nông nghiệp đồng thời là hai vùng sản xuất nông nghiệp và tập trung dân cư lớn nhất nước ta. \*Khác nhau:
* Về diện tích: ĐBSCL diện tích lớn hơn gần 3 lần diện tích đồng bằng sông Hồng: ĐBSCl diện tích 40 2 trong khi ĐBSH diện tích 15 2.
* ĐBSH được thành tạo do hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp còn ĐBSCL do hệ thống sông Tiền và sông Hậu bồi đắp. -Về độ cao ĐB: ĐBSH có độ cao lớn hơn ĐBSCL. còn ĐBSCL địa hình thấp và bằng phẳng hơn độ dốc bình quân là 1cm/km, nơi cao nhất của đồng bằng là các gờ đất ven sông do lũ bồi độ cao từ 3-4 m so với các vùng đất xung quanh. Còn hướng nghiêng của ĐBSH là thấp dần từ Tây Bắc - ĐN từ độ cao 10-15m giảm dần đến độ cao mặt nước biển, trong vùng đồng bằng còn nhiều đồi và núi sót hơn ĐBSCL (di tích của nền móng uốn nếp cổ bên dưới đã trồi lên ở nhiều nơi -&gt; tại những nơi đó cường độ sụt võng không đáng kể)
* Bề mặt đồng bằng: tại đồng bằng sông Hồng do khai thác lâu đời -&gt; có hệ thống đê bao ngăn lũ chia cắt đồng bằng nên phần lớn đất ở ĐBSH không được phù sa bồi đắp hàng năm (đất trong đê) -&gt; đất có xu hướng bạc màu. Các vùng đất ngoài đê được bồi hàng năm -&gt; đất rất mầu mỡ. Còn ĐBSCL lại bị chia cắt bởi mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, do không có hệ thống đê bao lên đất ở Đb được bồi

đắp phù sa hàng năm nên đất rất màu mỡ. Về mùa mưa ĐBSCL bị ngập sâu dưới nước hơn ĐBSH. -ĐBSCL do đặc điểm địa hình thấp, nhiều cửa sông,và không có đê nên ĐB chịu tác động của thuỷ triều mạnh mẽ hơn ĐBSH -&gt; diện tích đất mặn của vùng lớn hơn nhiều ĐBSH. -Đất: ĐBSH đa dạng về đất hơn ĐBSCL , ngoài đất phù sa ngọt, đất mặn, phèn, cát đồng bằng sông còn còn diện tích khá lớn đất xám bạc màu và rìa đồng bằng còn có đất feralit. Còn ĐBSCL có diện tích đất mặn, đất phèn lớn hơn ĐBSH (có khoảng 2 triệu ha đất mặn, phèn) -&gt; khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp lớn hơn ĐBSH -Giá trị: ... \*\*\*

1. TỔNG HỢP ĐẶC ĐIỂM CHUNG ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

Như vậy để tổng hợp nội dung của địa hình Việt Nam và chứng tỏ đất nước nhiều đồi núi dựa trên cơ sở các kiến thức đã học giáo viên chỉ cần nêu ra vấn đề học sinh sẽ nhanh chóng tổng hợp được tất cả các kiến thức đã học trước:

VD 11; Dựa vào Atlat địa lý Việt Nam và các kiến thức đã học hãy: - Phân tích đặc điểm chung của địa hình Việt Nam.

* Phân tích sự phân hoá đa dạng của địa hình nước ta?

Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam 1/ Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

* Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ , đồng bằng chỉ còn là những châu thổ nhỏ hẹp, những dải đất trũng xen cồn cát trải dọc ven biển. Địa hình đồi núi Việt Nam có tính phân bậc rõ rệt, trong đó đồi núi thấp chiếm ưu thế tuyệt đối
* Dưới 500m: Chiếm 70% diện tích
* Từ 500 - 1000m: chiếm 15% diện tích
* Từ 1000-2000m: chiếm 14% diện tích
* Trên 2000m chỉ có 1% diện tích Đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích tạo thành những đồng bằng châu thổ lớn ở phía Bắc và phía Nam lãnh thổ, dải đồng bằng duyên hải miền trung nhỏ hẹp và không liên tục do bị nhiều đồi và núi sót đam ngang ra sát biển chia cắt. 2/ Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng.
* Địa hình nước ta được vận động Tân Kiến Tạo làm trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt:

Dấu ấn của những tác động do con người lên tất cả các khu vực địa hình từ đồng

bằng lên miền núi -> bờ biển là sự khai phá địa hình để con người sản xuất trong đó

có cả những mặt tích cực và tiêu cực. Các hoạt động tích cực có tác dụng bảo vệ địa

hình và tăng hiệu quả kinh tế (VD) còn hoạt động tiêu cực đã phá huỷ bề mặt địa

hình, làm xói mòn thổ nhưỡng, làm giảm năng suất sinh vật (VD). Việt Nam với một

nước dân số đông tăng nhanh cùng với những tập quán sản xuất của các đồng bào dân

tộc ít người với phương thức đốt rừng làm rẫy còn khá phổ biến đã thúc đẩy nhanh

quá trình bóc mòn đất tại các vùng đồi núi, còn các vùng Đbằng sự bạc mầu đất phù

sa…

- Sự phân hoá đa dạng của địa hình nước ta.

Địa hình nước ta 3/4 diện tích là đồi núi, đồng bằng chiếm diện tích nhỏ khoảng

1/4 diện tích đất tự nhiên. Địa hình Việt Nam rất đa dạng phức tạp thay đổi từ Bắc chí

Nam, từ Đông sang Tây, từ miền núi đến đồng bằng, ven biển và hải đảo. Sự phân hoá

đa dạng của địa hình được thể hiện rất rõ ở sự phân hoá đa dạng tại các vùng đồi núi

và tại các vùng đồng bằng.

1/ ĐH đồi núi là bộ phận quan trọng nhất chiếm 3/4 diện tích và phân hoá đa dạng.

Địa hình đồi núi nước ta được chia thành các vùng sau:

\* Vùng núi Đông Bắc:

- Nằm ở tả ngạn sông Hồng đi từ dãy núi con Voi đến vùng đồi núi ven biển Quảng

Ninh.

- Độ cao trung bình 600-700m. (giải thích)

Nổi bật với những cánh cung núi lớn chụm đầu ở Tam Đảo, mở ra về phía Bắc và

phía Đông. Đó là các cánh cung sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều và cánh

cung ven biển Hạ Long. Ngoài ra vùng núi Đông Bắc còn có núi hướng nghiêng Tây

Bắc - Đông Nam (dãy Con Voi, dãy Tam Đảo) - giải thích...

- Địa hình cao về phía Bắc, Tây Bắc thấp dần về phía Nam và Đông Nam, vùng

đồi phát triển rộng. Phía Bắc có các đỉnh cao >2000 m nằm trên vùng thượng nguồn

sông chảy, giáp biên giới Việt Trung là địa hình cao của các khối núi đá vôi ở Hà

Giang, Cao Bằng và một số sơn nguyên cao. Trung tâm là vùng đồi núi thấp 500 -

600m, về phía đông (giáp đồng bằng) độ cao giảm xuống còn khoảng 100m. Theo

hướng vòng cung của các dãy núi là hướng vòng cung của các dòng sông Cầu, sông

Thương, sông Lục Nam. (giải thích)

\*Vùng núi Tây Bắc

-Nằm giữa sông Hồng và sông Cả, là vùng núi cao đồ sộ nhất nước ta độ cao trung

bình > 1000m với những dải núi cao, cao nguyên, khe sâu, địa hình hiểm trở. (giải

thích)

- Hướng núi: Tây Bắc - Đông Nam: Dãy núi Hoàng Liên Sơn, cao nguyên Mộc

Châu, Sơn la, dãy núi Phu sam sao, Phu Luông… các dòng sông và thung lũng sông

cũng chạy cùng hướng (giải thích)

2

-Địa hình nghiêng dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam và có sự phân hoá rõ

+ Phía Bắc là dãy núi cao Hoàng Liên Sơn , dãy Phu Luông… với nhiều đỉnh

núi cao nhất Việt Nam: Fansipan 3143 m, Phu Ta Leng 3096 m, Phu Luông 2985m,

SaPhin 2874m…

+ Phía Tây và Tây nam địa hình núi trung bình: Dãy Pu đen Đinh, Dãy Phu sam

Sao với nhiều đỉnh núi cao như: núi Phu Huổi Long 2178m, núi Phu Sam sao 1897 m,

Núi Pha Luông 1880m, Khoan La Sam 1853m…

+ ở giữa là các cao nguyên kế tiếp nhau: Cao nguyên Sín Chải, cnguyên Sơn

La, cnguyên Mộc Châu..

+Ngoài ra còn có những đồng bằng nhỏ nằm giữa vùng núi cao (Mường Than,

Than Uyên, Nghĩa Lộ)

Kẹp giữa các dãy núi là các thung lũng sông cùng hướng: sông Đà, Sông Mã

\*Vùng núi Trường Sơn Bắc.

-Giới hạn từ phía Nam sông cả đến dãy núi Bạch Mã

-Địa hình chủ yếu là núi thấp và trung bình độ cao < 1000m. (giải thích)

Vùng núi Trường Sơn Bắc cũng gồm các dãy núi song song và so le theo hướng

Tây Bắc - Đông nam với địa thế cao ở hai đầu và thấp ở đoạn giữa. Phía Bắc là vùng

núi thượng du Nghệ An, Giữa là vùng núi đá vôi Quảng Bình, phía nam là vùng núi

Tây Thừa Thiên Huế. mạch núi cuối cùng là dãy núi Bạch mã đâm ra sát biển . các

đỉnh núi có độ cao trung bình không quá 1000m và có nhiều đèo thấp: đèo Keo Nưa,

Đèo Mụ Giạ

\*Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam

-Gồm các khối núi và cao nguyên cao. Độ cao trung bình > 1000m đây là vùng có

nhiều khối núi và cao nguyên cao đồ sộ nhất nước ta. (giải thích)

- Trường Sơn nam gồm các khối núi chạy theo hướng TB - ĐN, B- N, ĐB - TN so

le kế nhau tạo thành gờ núi vòng cung ôm lấy các cao nguyên phía Tây. Hai đầu

Trường Sơn nam cao và thấp ở giữa: trong đó có nhiều đỉnh núi cao: Núi Ngọc Lĩnh

2598m, Ngọc KRinh 2025m, Kom Ka Kinh 1761m, Lang Biang 2167m, ChưYangsin

2405m…

- Tính chất bất đối xứng giữa 2 sườn Đông - Tây. Sườn Đông hẹp và dốc có nhiều

nhánh núi đâm ngang ra biển tạo nên các vũng, vịnh; sườn Tây thoải dần có một số

đèo thấp đèo Mang Yang

- Các cao nguyên nằm hoàn toàn phía tây dãy Trường Sơn nam, các cao nguyên

badan Plâycu, Cao nguyên KomTum, cao nguyên ĐắcLắc, cao nguyên Mơ Nông, cao

nguyên Di Linh có địa hình tương đối bằng phẳng làm thành các bề mặt cao 500-800-

1000m

KL: Địa hình vùng đồi núi nước ta chủ yếu là đồi và núi thấp chiếm đa số diện

tích. Hướng núi Tây Bắc - Đông Nam chiếm ưu thế ngoài ra còn có hướng vòng cung.

2